

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH
(GILIMEX)**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
đã được soát xét*

NỘI DUNG

Nội dung

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3-1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

3-2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

3-3

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH
(GILIMEX)**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
đã được soát xét*

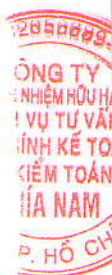


Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	6 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - **GILIMEX** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi số 0302181666 ngày 18/6/2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 127.745.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 30/06/2011 là 127.745.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 4, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thanh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310629775 cấp lần đầu ngày 16/02/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 cấp ngày 17/03/2011 bởi Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX có tỷ lệ góp vốn chiếm 40%.

+ Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty GILIMEX: 40%

+ Quyền biểu quyết của Công ty GILIMEX: 40%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 33.101.346.721 VND (Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 15.044.532.154 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 là 66.561.048.169 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 là 46.678.734.723 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên
Ông :	Phạm Phú Hữu	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
-------	---------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Võ Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Dương Minh Nhật	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2011. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.



- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30/06/2011 của Công ty.

Tp.HCM, ngày thángnăm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Hùng

Tp.HCM, ngày thángnăm 2011

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Hùng



Số : 593/2011/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2011
của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh*

Kính gửi: - **Cố đông Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** được lập ngày 17/8/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

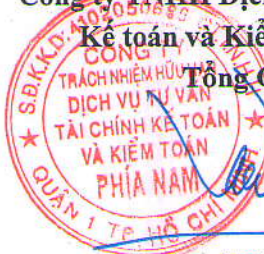
Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công Ty tăng tỷ lệ góp vốn vào công ty liên kết là Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ lên thành 40%. Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex không thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2011, nên trong báo cáo hợp nhất giữa niên độ này của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh không hợp nhất tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2011 của công ty liên kết trên vào.

Ngoài ra, trong tháng 06/2011, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) và Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.000.000 cổ phiếu của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ) với giá là 24.000 đồng/cổ phiếu (mỗi công ty con mua 500.000 cổ phiếu). Tuy nhiên, khi lập báo cáo hợp nhất cho 6 tháng đầu năm 2011, các bút toán điều chỉnh lại cho giao dịch này chưa được Công ty thực hiện điều chỉnh theo quy định về hợp nhất báo cáo tài chính (xem thuyết minh tại Mục 2 - "Các khoản đầu tư ngắn hạn").

Ngoại trừ vấn đề trên và các ảnh hưởng của chúng, trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8. năm 2011

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**
Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

(Signature)

Dương Nguyên Thúy Mai

Chứng chỉ KTV số: 0848/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		461.687.237.439	411.133.683.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	230.070.804.851	32.883.826.582
1. Tiền	111		14.258.106.443	32.883.826.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		215.812.698.408	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	26.298.000.000	221.038.880.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26.298.000.000	221.038.880.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		95.797.477.876	76.586.599.971
1. Phải thu khách hàng	131		63.762.316.342	44.656.618.292
2. Trả trước cho người bán	132		32.870.621.948	30.524.331.579
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	1.539.641.086	3.780.751.600
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.375.101.500)	(2.375.101.500)
IV. Hàng tồn kho	140	4	90.925.982.707	63.686.340.770
1. Hàng tồn kho	141		90.925.982.707	63.686.340.770
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.594.972.005	16.938.036.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.591.251	26.245.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.346.028.960	13.101.998.706
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	1.037.105.100	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.191.246.694	3.809.792.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		155.076.901.338	137.794.161.426
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	
		30/06/2011	01/01/2011
TÀI SẢN			
II. Tài sản cố định	220	117.816.789.569	126.989.120.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	88.160.004.194
- Nguyên giá	222		115.718.434.198
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.558.430.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-
- Nguyên giá	225		-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	136.800.000
- Nguyên giá	228		136.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	29.519.985.375
III. Bất động sản đầu tư	240		-
- Nguyên giá	241		-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	16.741.578.152
1. Đầu tư vào công ty con	251		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9.1	12.020.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.2	4.721.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.518.533.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.518.533.617
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		616.764.138.778
			548.927.845.201

102060
CÔNG
CHUYÊN
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
KIỂM T
HÓA NÀ
P. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		258.697.567.752	183.725.892.516
I. Nợ ngắn hạn	310		248.246.303.754	182.416.511.102
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	201.517.315.878	121.581.614.674
2. Phải trả người bán	312		21.942.440.811	25.022.470.022
3. Người mua trả tiền trước	313		-	7.145.212.787
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.752.393.720	7.497.738.223
5. Phải trả công nhân viên	315		14.277.928.560	13.031.243.276
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.710.377.972	2.384.682.607
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	323	14.5	45.846.813	5.753.549.513
II. Nợ dài hạn	330		10.451.263.998	1.309.381.414
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.658.370.194	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.309.381.414	1.309.381.414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.483.512.390	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	14	358.066.571.025	365.201.952.685
I. Vốn chủ sở hữu	410		358.066.571.025	365.201.952.685
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.745.880.000	127.745.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		158.751.430.047	158.751.430.047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(22.585.295.791)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.168.488.186
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.483.599.600	22.483.599.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.109.909.000	5.109.909.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		66.561.048.169	48.942.645.852
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		616.764.138.778	548.927.845.201



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		583.191,63	280.606,56
- EUR		2,87	2,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

nght

Nguyễn Thị Phong Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	292.228.950.827	194.768.983.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		292.228.950.827	194.768.983.180
4. Giá vốn hàng bán	16	226.973.336.007	163.444.996.955
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.255.614.820	31.323.986.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	22.989.309.686	8.409.313.115
7. Chi phí tài chính	17	10.103.112.822	2.686.296.818
+ Trong đó: chi phí lãi vay		4.346.885.399	4.346.885.399
8. Chi phí bán hàng		8.238.806.243	4.695.702.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.340.372.355	12.406.474.481
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.562.633.086	19.944.825.654
11. Thu nhập khác		831.665.021	707.907.794
12. Chi phí khác		137.738.075	60.750.371
13. Lợi nhuận khác		693.926.946	647.157.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.256.560.032	20.591.983.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	11.155.213.311	5.547.450.923
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.101.346.721	15.044.532.154
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		2.703	1.244

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phong Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu



Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		44.256.560.032	20.591.983.077
2. Điều chỉnh cho các khoản		(9.634.127.668)	(2.949.524.616)
- Khấu hao tài sản cố định		3.950.094.431	3.056.610.477
- Các khoản dự phòng		-	(459.784.200)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(376.987.505)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.931.107.498)	(6.453.329.804)
- Chi phí lãi vay		4.346.885.399	1.283.966.416
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.622.432.364	17.642.458.461
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(7.142.182.424)	9.563.262.918
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(27.239.641.937)	(1.679.666.921)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(20.589.097.722)	2.707.774.502
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(499.259.973)	(1.430.298.980)
- Tiền lãi vay đã trả		(4.346.885.399)	(1.283.966.416)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.984.707.652)	(3.434.243.776)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.658.370.194	8.549.980.574
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.305.762.121)	(10.955.755.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.826.734.671)	19.679.544.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.758.356.605)	(4.763.854.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		829.506.090	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(315.773.721.843)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		510.696.583.843	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.000.000.000)	(172.068.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	153.672.139.628
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.172.040.445	6.547.771.008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		191.166.051.930	(16.611.943.765)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	12.712.520.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(22.585.295.791)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		270.620.686.879	35.662.892.031
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(190.704.785.675)	(49.784.437.061)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.482.944.403)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		41.847.661.010	(1.409.025.030)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		197.186.978.269	1.658.576.185
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.883.826.582	33.701.291.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		230.070.804.851	35.359.867.452

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phong Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi số 0302181666 ngày 17/5/2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp của Công ty đến ngày 30/06/2011 là 127.745.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 4, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310629775 cấp lần đầu ngày 16/02/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 cấp ngày 17/03/2011 bởi Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX có tỷ lệ góp vốn là 40%.

+ Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty GILIMEX: 40%

+ Quyền biểu quyết của Công ty GILIMEX: 40%

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*6 tháng đầu năm 2011***3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 08 "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh").

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ sau: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	444.626.300	3.153.605.230
Tiền gửi ngân hàng	13.813.480.143	29.730.221.352
Tiền gửi VND	919.440.670	24.414.840.778
Tiền gửi ngoại tệ	12.894.039.473	5.315.380.574
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	215.812.698.408	-
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	33.100.000.000	-
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	28.600.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Gia Định	21.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	126.812.698.408	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	6.300.000.000	-

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2011 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
 - Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30/06/2011 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.
- Riêng Ngân Hàng Công Thương Việt Nam không có sổ phụ tại ngày 30/06/2011 có số dư là 2.574.732 đồng.

Tổng cộng	230.070.804.851	32.883.826.582
------------------	------------------------	-----------------------

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND		01/01/2011 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		26.298.000.000		2.250.000.000
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-		-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		26.298.000.000		2.250.000.000
Trong đó:				
Công Ty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An	50.000	2.250.000.000	50.000	2.250.000.000
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh - GILIMEX	1.000.000	24.048.000.000	-	-
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		-		218.788.880.000
Trong đó:				
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		-		50.000.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định		-		34.000.000.000
Ngân hàng Ocean bank		-		12.000.000.000
Ngân hàng TM CP Techcombank		-		11.488.880.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội		-		35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Phú Nhuận		-		21.000.000.000
Ngân Hàng Habubank		-		55.300.000.000
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)		-		-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		-		-
Tổng cộng		26.298.000.000		221.038.880.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Ghi chú:

Trong tháng 6 năm 2011, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) và Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.000.000 cổ phiếu của Công Ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ) với giá là 24.000 đồng/cổ phiếu (mỗi công ty con mua 500.000 cổ phiếu).

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
	1.539.641.086	3.780.751.600
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	1.539.641.086	3.780.751.600

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 30/06/2011 là:

Công Ty CP Chứng Khoán Thăng Long	509.571.258
Chi Cục Hải Quan Quản lý Hàng gia công	417.515.005
Lữ Văn Thạch	47.322.000
Trợ cấp thôi việc	75.326.767
Các đối tượng khác	489.906.056
Tổng cộng	1.539.641.086

4. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	56.187.374.630	40.171.114.940
- Công cụ, dụng cụ	1.983.011.989	823.738.598
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.491.274.994	8.351.725.216
- Thành phẩm	12.205.654.871	14.280.722.653
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	58.666.223	59.039.363
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	90.925.982.707	63.686.340.770

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	1.037.105.100	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
+ Thuế đất	1.037.105.100	-
Tổng cộng	1.037.105.100	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

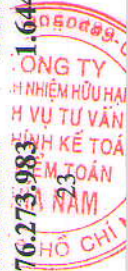
6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	82.866.600.927	17.436.812.221	4.310.005.610	2.346.658.835	106.960.077.593
2. Số tăng trong kỳ	517.876.950	8.155.034.200	70.000.000	15.445.455	8.758.356.605
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ	-	8.155.034.200	70.000.000	15.445.455	8.240.479.655
- Đầu tư XDCN hoàn thành	517.876.950	-	-	-	517.876.950
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	83.384.477.877	25.591.846.421	4.380.005.610	2.362.104.290	115.718.434.198
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	13.091.938.284	6.636.811.567	2.491.518.885	1.388.066.837	23.608.335.573
2. Khấu hao trong kỳ	2.026.723.745	1.478.760.871	243.541.783	201.068.032	3.950.094.431
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ	2.026.723.745	1.478.760.871	243.541.783	201.068.032	3.950.094.431
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	15.118.662.029	8.115.572.438	2.735.060.668	1.589.134.869	27.558.430.004

III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

1. Tại ngày đầu năm	69.774.662.643	10.800.000.654	1.818.486.725	958.591.998	83.351.742.020
2. Tại ngày cuối kỳ	68.265.815.848	17.476.273.983	1.644.944.942	772.969.421	88.160.004.194



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	14.767.369.632					14.767.369.632
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Mua trong kỳ						-
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong kỳ	14.630.569.632	-	-	-	-	14.630.569.632
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-					-
- Giảm khác (điều chỉnh lại)	14.630.569.632					14.630.569.632
4. Số dư cuối kỳ	136.800.000	-	-	-	-	136.800.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	597.166.104					597.166.104
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong kỳ	-					-
- Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	597.166.104	-	-	-	-	597.166.104
Bao gồm:						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác (điều chỉnh lại)	597.166.104					597.166.104
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH

1. Tại ngày đầu năm	14.170.203.528	-	-	-	-	14.170.203.528
2. Tại ngày cuối kỳ	136.800.000	-	-	-	-	136.800.000

24

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí XDCB dở dang	29.519.985.375	29.467.175.430
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	225.886.436	173.076.491
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	950.739.000	950.739.000
+ Công trình Phú Mỹ	28.343.359.939	28.343.359.939
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	29.519.985.375	29.467.175.430

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

9.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	12.020.000.000	20.000.000
Tổng cộng	12.020.000.000	20.000.000

Ghi chú:

Trong tháng 2/2011, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - Gilimex chuyển tiền góp vốn vào Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ số tiền là 12.000.000.000 đồng, nâng tỷ lệ góp vốn lên thành 40% tại ngày 30/06/2011.

9.2. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	-	-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác (DA Phường 28, quận B.Thạnh, Tp.HCM)	4.721.578.152	4.721.578.152
Tổng cộng	4.721.578.152	4.721.578.152

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí thuê đất	13.884.112.002	-
- Chi phí bảo hiểm	598.708.114	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	5.177.124.987	5.219.118.097
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	858.588.514	844.344.199
Tổng cộng	20.518.533.617	6.063.462.296

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
11.1. Vay ngắn hạn	201.517.315.878	121.581.614.674
- Vay ngân hàng	201.517.315.878	121.581.614.674
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	16.487.625.667	80.000.560.318
Ngân Hàng TMCP Quân Đội	141.780.565.670	
Ngân Hàng HSBC	43.249.124.541	41.581.054.356
- Vay đối tượng khác	-	-
11.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	201.517.315.878	121.581.614.674

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
12.1. Thuế phải nộp nhà nước	7.752.393.720	7.497.738.223
- Thuế GTGT	508.625.216	525.968.368
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	6.957.300.721	6.780.508.552
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	286.467.783	191.261.303
+ Thuế thu nhập cá nhân	282.280.498	187.074.018
+ Các loại thuế khác	4.187.285	4.187.285
12.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	7.752.393.720	7.497.738.223

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	899.613.523	899.613.523
- BHXH, BHYT, BHTN	641.363.576	267.008.582
- KPCĐ	623.738.445	133.802.502
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	545.662.428	1.084.258.000
Tổng cộng	2.710.377.972	2.384.682.607

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 30/06/2011 là:

+ Phải trả Nhà nước (hàng tạm nhập tái xuất)	170.804.546
+ Thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu	154.301.000
+ Trợ cấp thôi việc	30.675.488
+ Thu theo kháng nghị của Viện Kiểm Sát Bình Thạnh	35.806.400
+ Phần vốn phải trả cho Nhà nước	67.285.442
+ Các đối tượng khác	86.789.552

Tổng cộng	545.662.428
------------------	--------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	127.745.880.000	158.751.430.047	-	22.483.599.600	5.109.909.000	48.942.645.852
- Tăng trong kỳ	-	-	(22.585.295.791)	-	-	33.101.346.721
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	33.101.346.721
- Tăng do phát hành CP từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	(22.585.295.791)	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	15.482.944.404
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCB	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Giảm do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	15.400.944.404
- Giảm khác	-	-	-	-	-	82.000.000
- Số dư cuối kỳ	127.745.880.000	158.751.430.047	(22.585.295.791)	22.483.599.600	5.109.909.000	66.561.048.169

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.493.060.000	2,73%	3.493.060.000	2,73%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	124.252.820.000	97,27%	124.252.820.000	97,27%
Tổng cộng	127.745.880.000	100%	127.745.880.000	100%

* Thặng dư vốn cổ phần

* Cổ phiếu quỹ

158.751.430.047	153.910.785.047
(22.585.295.791)	-
1.959.200 cổ phiếu	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127.745.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp đầu năm	127.745.880.000	102.198.180.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	25.547.700.000	25.547.700.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	127.745.880.000	127.745.880.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	15.400.944.403	-

14.4. Cổ phiếu

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.774.588	10.219.818
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.774.588	12.774.588
+ Cổ phiếu thường	12.774.588	12.774.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	959.200	-
+ Cổ phiếu thường	959.200	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.815.388	12.774.588
+ Cổ phiếu thường	11.815.388	12.774.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	22.483.599.600	22.483.599.600
- Quỹ dự phòng tài chính	5.109.909.000	5.109.909.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.846.813	5.753.549.513

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**14.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

14.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

14.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

14.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

15. DOANH THU

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
15.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	292.228.950.827	194.768.983.180
+ Doanh thu bán hàng	280.562.972.163	189.558.042.062
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.665.978.664	5.210.941.118
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	292.228.950.827	194.768.983.180
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	280.562.972.163	189.558.042.062
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	11.665.978.664	5.210.941.118
15.2. Doanh thu hoạt động tài chính	22.989.309.686	8.409.313.115
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.176.716.988	6.453.329.804
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	94.441.204
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.812.592.698	1.861.542.107
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-



16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	226.973.336.007	163.444.996.955
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	226.973.336.007	163.444.996.955

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
- Chi phí lãi vay	4.346.885.399	1.283.966.416
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	377.560.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.756.227.423	1.484.554.602
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(459.784.200)
Tổng cộng	10.103.112.822	2.686.296.818

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.155.213.311	5.547.450.923
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	11.155.213.311	5.547.450.923

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.838.822.638	107.484.392.082
2. Chi phí nhân công	41.937.454.691	32.361.798.265
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	3.950.094.431	2.924.121.966
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.655.105	879.833.034
5. Chi phí khác bằng tiền	2.338.894.420	8.654.038.866
Tổng cộng	234.208.921.285	152.304.184.213

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin bổ sung

Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) và Công Ty TNHH May Thanh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.000.000 cổ phiếu của Công Ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ) với giá là 24.000 đồng/cổ phiếu (mỗi công ty con mua 500.000 cổ phiếu).

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm 2010, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS soát xét. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phong Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng